

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
Đề thi chính thức

Hướng dẫn chấm thi gồm: 06 trang

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo chấm đúng như đáp án, biểu điểm trong hướng dẫn chấm.
2. Học sinh diễn đạt khác nhưng đúng ý trong đáp án vẫn chấm điểm, tối đa không quá tổng điểm của mỗi câu.
3. Với những câu, ý cần nêu dẫn chứng hoặc diễn giải, nếu không dẫn chứng hoặc diễn giải chỉ cho 1/2 số điểm của câu, ý đó.

II. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM

Câu	Nội dung	Điểm
1 (4,0)	a. Phân tích hiện tượng ngày đêm và đặc điểm biên độ nhiệt năm ở xích đạo.	1,0
	* Hiện tượng ngày đêm ở xích đạo:	
	- Ở xích đạo, quanh năm có ngày dài bằng đêm.	0,25
	- Do đường phân chia sáng tối luôn giao với trục Trái đất tại tâm, chia xích đạo thành hai phần bằng nhau, một phần nằm trong sáng và một phần nằm trong tối nên quanh năm có ngày dài bằng đêm.	0,25
	* Biên độ nhiệt năm ở xích đạo:	
	- Xích đạo có biên độ nhiệt năm nhỏ ($3 - 4^{\circ}\text{C}$).	0,25
	- Do ở xích đạo có góc chiếu sáng lớn quanh năm, ngày dài bằng đêm, có hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh cách xa nhau.	0,25
	b. Giải thích tại sao sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa ở vùng nhiệt đới nhỏ hơn vùng ôn đới?	1,5
	- Sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa chủ yếu phụ thuộc vào sự chênh lệch góc chiếu của tia sáng Mặt Trời và thời gian chiếu sáng giữa các mùa trong năm, sự chênh lệch này lại phụ thuộc vào vĩ độ. Ngoài ra còn phụ thuộc vào tính chất bề mặt đệm.	0,5
	- Vùng nhiệt đới: có vĩ độ thấp hơn nên sự chênh lệch góc chiếu của tia sáng Mặt Trời và thời gian chiếu sáng giữa các mùa trong năm nhỏ hơn; mặt khác do diện tích đại dương lớn hơn nên sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa nhỏ hơn.	0,5
	- Vùng ôn đới: có vĩ độ cao hơn nên sự chênh lệch góc chiếu của tia sáng Mặt Trời và thời gian chiếu sáng giữa các mùa trong năm lớn hơn; mặt khác do diện tích lục địa lớn hơn nên sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa lớn hơn.	0,5
	c. Trình bày khái niệm, nguyên nhân của quy luật địa ô. Chứng minh tính quy luật qua sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa,	1,5

	đại dương.	
	* <i>Trình bày khái niệm, nguyên nhân của quy luật địa ô:</i>	
	Khái niệm: Là sự thay đổi có quy luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo kinh độ.	0,25
	Nguyên nhân: - Do sự phân bố đất liền, biển và đại dương làm cho khí hậu ở lục địa phân hóa từ đông sang tây. Càng vào sâu trong lục địa, tính chất lục địa của khí hậu càng tăng.	0,25
	- Do ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến, làm cho khí hậu ở hai bên sườn đông và sườn tây của dãy núi có sự khác nhau.	0,25
	* <i>Chứng minh tính quy luật qua sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa, đại dương:</i>	
	- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm ở lục địa.	0,25
	- Đại dương có biên độ nhiệt nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt lớn. Càng vào sâu trong lục địa biên độ nhiệt càng tăng.	0,25
	- Nhiệt độ không khí còn thay đổi theo bờ đông và bờ tây của lục địa, do ảnh hưởng của các dòng biển nóng, lạnh và sự đổi hướng của chúng. Bờ lục địa có dòng biển nóng chảy qua nhiệt độ cao hơn bờ lục địa có dòng biển lạnh chảy qua.	0,25
2 (4,0)	a. So sánh sự khác nhau về nguyên nhân, kết quả của quá trình phong hóa lí học và phong hóa hóa học. Vì sao phong hóa lí học thường xảy ra mạnh ở các vùng khí hậu khô nóng?	2,5
	* <i>So sánh sự khác nhau về nguyên nhân, kết quả của quá trình phong hóa lí học và phong hóa hóa học</i>	
	- Nguyên nhân: + Phong hóa lí học: chủ yếu là do các tác nhân vật lí như sự thay đổi nhiệt độ đột ngột, sự đóng băng của nước, sự kết tinh của muối,... Ngoài ra, còn do tác động của sóng, nước chảy, gió thổi, sinh vật, các hoạt động sản xuất của con người, ...	0,25
	+ Phong hóa hóa học: tác nhân chủ yếu là nước và các chất khí dễ hòa tan trong nước (CO ₂ , O ₂ ...), các axit hữu cơ của sinh vật thông qua các phản ứng hóa học.	0,25
	- Kết quả: + Phong hóa lí học: đá và khoáng vật bị nứt vỡ thành những mảnh vụn → chỉ thay đổi về kích thước, hình dạng, không thay đổi màu sắc và thành phần hoá học.	0,25
	+ Phong hóa hóa học: Chủ yếu làm thay đổi tính chất, thành phần hóa học của đá và khoáng vật.	0,25
	* <i>Vì sao phong hóa lí học thường xảy ra mạnh ở các vùng khí hậu khô nóng?</i>	
	Phong hóa lí học thường xảy ra mạnh ở các vùng khí hậu khô nóng như: hoang mạc, bán hoang mạc... Vì các vùng này có:	0,25
	- Nhiệt độ có sự biến động lớn giữa ngày và đêm, giữa các mùa trong năm: đá liên tục giãn nở và co lại. Các lớp đá và khoáng vật ở các độ sâu khác nhau có nhiệt độ khác nhau, độ giãn nở khác nhau làm cho liên kết giữa các lớp đá bị phá hủy rồi vỡ thành nhiều mảnh vụn.	0,5
	- Hiện tượng bốc hơi mạnh ở các miền khí hậu khô hạn kéo theo sự	

	vận chuyển nước mao dẫn lên mặt đất. Trên đường di chuyển, nước mao dẫn có thể hòa tan các muối khoáng và khi nước bốc hơi muối khoáng sẽ đọng lại. Khi muối khoáng kết tinh làm thành mao dẫn chịu áp lực lớn khiến đá bị rạn nứt, vỡ vụn.	0,5
	- Gió cát hoạt động mạnh: tác động ma sát, va đập của gió và các hạt cát trong gió làm đá và khoáng vật bị vỡ vụn.	0,25
	b. Phân tích ảnh hưởng của địa hình đến sự hình thành đất.	1,5
	Địa hình ảnh hưởng đến sự hình thành đất thông qua các yếu tố độ cao, độ dốc, hướng sườn của địa hình.	0,25
	- Độ cao: + Ở vùng núi cao, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, quá trình phong hoá xảy ra chậm, quá trình hình thành đất yếu.	0,25
	+ Sự thay đổi của nhiệt độ, độ ẩm theo độ cao kéo theo sự thay đổi của các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất, dẫn đến hình thành nên các vành đai đất khác nhau theo độ cao.	0,5
	- Độ dốc: ảnh hưởng đến tốc độ xói mòn đất nên ở những nơi bằng phẳng thường có tầng đất dày hơn nơi có địa hình dốc.	0,25
	- Hướng sườn: khác nhau sẽ nhận được lượng nhiệt, ẩm khác nhau, vì thế sự phát triển của sinh vật cũng khác nhau, làm cho đất ở các sườn núi có nhiều khác biệt.	0,25
3 (4,0)	a. Dựa vào kiến thức đã học và bảng số liệu:	2,0
	* Cho biết ý nghĩa của tỉ số giới tính.	
	- Tỉ số giới tính là sự tương quan giữa dân số nam so với dân số nữ. Đơn vị: %	0,25
	- Tỉ số giới tính cho biết: trong tổng số dân, trung bình 100 nữ có bao nhiêu nam.	0,5
	* Nhận xét và giải thích về sự thay đổi tỉ số giới tính của nước ta, giai đoạn 2005 – 2021.	
	- Nhận xét: Trong giai đoạn 2005 – 2021, tỉ số giới tính khi sinh của nước ta có sự chênh lệch lớn, số bé trai luôn nhiều hơn số bé gái và nhìn chung có xu hướng tăng (d/c).	0,5
	- Giải thích: + Tư tưởng còn lạc hậu: trọng nam khinh nữ, tâm lí thích con trai nối dõi...	0,25
	+ Chính sách dân số hạn chế sinh đẻ trong điều kiện y học có nhiều tiến bộ cho phép lựa chọn giới tính khi mang thai.	0,25
	+ Trình độ phát triển kinh tế nhìn chung còn thấp, nông nghiệp vẫn đóng vai trò qua trọng trong cơ cấu kinh tế nên nhu cầu lao động nam vẫn lớn...	0,25
	b. Trình bày khái niệm đô thị hóa. Tại sao các nước đang phát triển cần phải điều chỉnh quá trình đô thị hóa?	2,5
	*Trình bày khái niệm đô thị hóa Đô thị hoá là một quá trình kinh tế - xã hội mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và qui mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và sự phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.	0,5
	* Tại sao các nước đang phát triển cần phải điều chỉnh quá trình đô thị hóa?	

	Do qua trình ĐTH ở các nước đang phát triển còn nhiều bất hợp lý: - Ở nhiều nước quá trình ĐTH không hoàn toàn gắn với CNH (ĐTH tự phát), tốc độ ĐTH nhanh hơn tốc độ CNH. Do sự chênh lệch lớn về trình độ KT-XH, mức sống, cơ hội việc làm... giữa thành thị và nông thôn đã dẫn đến hiện tượng dòng người di cư từ nông thôn lên thành phố ngày càng đông. → Gây ra nhiều hệ quả tiêu cực cho cả thành thị và nông thôn (diễn giải).	0,5
	- Ở một số nước trình độ đô thị hóa rất thấp, tỉ lệ dân thành thị rất thấp (d/c) gây khó khăn cho việc thực hiện quá trình CNH, phát triển KT - XH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	0,5
	Vì vậy cần điều chỉnh quá trình ĐTH ở các nước đang phát triển để phù hợp với quá trình CNH nhằm nâng cao trình độ phát triển đô thị, nâng cao vai trò của đô thị đối với việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng sống dân cư... đồng thời đảm bảo sự hợp lý trong phân bố dân cư – lao động giữa thành thị với nông thôn.	0,5
4 (4,0)	a. Phân tích tác động của cơ sở nguồn thức ăn đến sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi.	2,0
	- Thức ăn cho chăn nuôi bao gồm các đồng cỏ tự nhiên, thức ăn do con người trồng (các đồng cỏ trồng, hoa màu, lương thực, ...), thức ăn chế biến bằng phương pháp công nghiệp.	0,25
	- Nguồn thức ăn có tác động mạnh mẽ đến quy mô, trình độ phát triển ngành chăn nuôi: Nguồn thức ăn dồi dào, chất lượng tốt thì quy mô chăn nuôi lớn, năng suất, chất lượng cao và ngược lại.	0,25
	- Cơ sở nguồn thức ăn quyết định đến cơ cấu vật nuôi: Thức ăn đồng cỏ: chủ yếu chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò) và một số gia súc nhỏ (cừu, dê...). Thức ăn từ trồng trọt, công nghiệp chế biến: chủ yếu chăn nuôi lợn và gia cầm....	0,5
	- Cơ sở nguồn thức ăn còn ảnh hưởng đến hình thức chăn nuôi: + Thức ăn là các đồng cỏ tự nhiên: phát triển chăn nuôi theo hình thức chăn thả. + Thức ăn do con người trồng (đồng cỏ trồng, lương thực, hoa màu...): phát triển chăn nuôi theo hình thức nửa chuồng trại và chuồng trại. + Thức ăn chế biến bằng phương pháp công nghiệp: phát triển chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.	0,5
	- Cơ sở nguồn thức ăn ảnh hưởng quan trọng tới phân bố ngành chăn nuôi: + Nơi thức ăn dồi dào, chất lượng cao thì ngành chăn nuôi phát triển và ngược lại. + Phân bố từng loại thức ăn ảnh hưởng đến phân bố vật nuôi (d/c).	0,25 0,25
	b. Phân tích tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật tới sản xuất nông nghiệp	2,0
	* Tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp: được thể hiện qua việc áp dụng các biện pháp như điện khí hóa, cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, áp dụng công nghệ sinh học... vào sản xuất nông nghiệp.	0,5

	* Tác động: - Hạn chế những ảnh hưởng của tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp, giảm tính bất bình, tăng tính chủ động và ổn định trong SX nông nghiệp.	0,25																		
	- Quy mô: mở rộng quy mô SX, giúp SX nông nghiệp tiến lên sản xuất hàng hóa.	0,25																		
	- Tốc độ: thúc đẩy SX nông nghiệp phát triển với tốc độ nhanh, ổn định trên cơ sở tăng năng suất, chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.	0,25																		
	- Cơ cấu: tạo điều kiện để dạng hóa cơ cấu nông sản, thúc đẩy sự phát triển các loại nông sản giá trị cao.	0,25																		
	- Chuyên môn hóa: nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp.	0,25																		
	- Phân bố: mở rộng phạm vi phân bố của hoạt động sản xuất nông nghiệp, có thể tiến hành SX nông nghiệp ở cả những nơi có điều kiện tự nhiên khó khăn: đất phèn, mặn, nơi khô hạn...	0,25																		
5 (4,0)	a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô và cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo các loại hình vận tải của nước ta năm 2015 và 2021.	2,0																		
	*Xử lý số liệu: Cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo các loại hình vận tải của nước ta năm 2015 và 2021 (Đơn vị: %) <table><tr><th>Năm</th><th>2015</th><th>2021</th></tr><tr><td>Đường sắt</td><td>0,6</td><td>0,3</td></tr><tr><td>Đường bộ</td><td>76,6</td><td>79,8</td></tr><tr><td>Đường sông</td><td>17,5</td><td>15,3</td></tr><tr><td>Đường biển và đường hàng không</td><td>5,3</td><td>4,6</td></tr><tr><td>Tổng số</td><td>100</td><td>100</td></tr></table>	Năm	2015	2021	Đường sắt	0,6	0,3	Đường bộ	76,6	79,8	Đường sông	17,5	15,3	Đường biển và đường hàng không	5,3	4,6	Tổng số	100	100	0,5
Năm	2015	2021																		
Đường sắt	0,6	0,3																		
Đường bộ	76,6	79,8																		
Đường sông	17,5	15,3																		
Đường biển và đường hàng không	5,3	4,6																		
Tổng số	100	100																		
	*Tính bán kính: Chọn $R_{2015} = 1$ đvbk $\rightarrow R_{2021} = 1,3$ đvbk	0,25																		
	* Vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu: - Yêu cầu: chính xác, rõ ràng, thẩm mỹ, có đầy đủ thông tin. - Sai tỉ lệ cho tối đa 0,5 điểm. - Vẽ bán kính bằng nhau, dùng bút chì (trừ đường tròn), hoặc dùng 2 màu mực: trừ 0,5 điểm. - Thiếu các yếu tố: tên biểu đồ, chú thích, đơn vị, số liệu... mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm.	1,25																		
	b, Nhận xét và giải thích về sự thay đổi quy mô, cơ cấu:	2.0																		
	* Nhận xét																			

	- <i>Quy mô:</i> + Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển, khối lượng hàng hóa vận chuyển của từng loại hình vận tải đều tăng (trừ đường sắt) (d/c). + Tốc độ tăng, giảm khác nhau giữa các loại hình vận tải (d/c).	0,25 0,25
	- <i>Cơ cấu:</i> Từ năm 2015 đến 2021, cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo các loại hình vận tải của nước ta có sự thay đổi: + Đường bộ chiếm phần lớn tỉ trọng, xu hướng tăng (d/c), đường sông có tỉ trọng đứng thứ hai, xu hướng tăng (d/c). + Đường biển và đường hàng không, đường sắt có tỉ trọng giảm, trong đó đường sắt có tỉ trọng thấp nhất (d/c).	0,25 0,25
	* Giải thích:	
	- Quy mô tăng do: sự phát triển của cách ngành kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu...	0,25
	- Cơ cấu có sự thay đổi do tốc độ tăng, giảm của các loại hình vận tải khác nhau: + Đường bộ chiếm phần lớn tỉ trọng và xu hướng tăng do: mạng lưới đường bộ phủ rộng khắp cả nước; hình thành nhiều tuyến đường bộ xuyên Á... Có nhiều ưu thế và phù hợp với điều kiện của nước ta (cơ động, linh hoạt, dễ phối hợp với nhiều loại hình vận tải, phù hợp với nhiều dạng địa hình, nhiều cự li, giá khá rẻ...).	0,25
	+ Đường sông chiếm tỉ trọng khá cao (do nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, giá cước rẻ,...), tuy nhiên có xu hướng giảm do tốc độ vận chuyển chậm và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên,...	0,25
	+ Đường biển và đường hàng không có tỉ trọng giảm do tốc độ tăng chậm vì ảnh hưởng của đại dịch COVID 19; đường sắt chiếm tỉ trọng thấp nhất và giảm do thiếu tính cơ động, bị cạnh tranh gay gắt bởi đường bộ,...	0,25

----- HẾT -----